Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Xây dựng đường bộ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ VĂN PHÚC

2. Ngày tháng năm sinh: 05/05/1984; Nam ☑; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tịnh Bắc, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): A2-11-07, Chung cư 4S Linh Đông, Đường 30, P. Linh Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): A2-11-07, Chung cư 4S Linh Đông, Đường 30, P. Linh Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 09.72.76.72.68;

E-mail: phuclv_ph@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 05/2009-08/2010: Giảng viên, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM;

Từ 3/2012 đến 8/2016: Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc;

Từ 09/2016 đến 08/2017: Nghiên cứu sau tiến sĩ, Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc; Giảng dạy sau đại học tại Khoa Xây dựng và Môi trường, Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc với 2 môn:

+ Thiết kế và phân tích kết cấu áo đường bê tông nhựa;
+ Chuyên đề đường ô tô.

Từ năm 10/2017 đến 02/2019: Giảng viên, Bộ môn Đường bộ và Đường sắt, Khoa Công trình, Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại TP.HCM;

Từ 02/2019 đến nay: Phó Trưởng Khoa Công trình, Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Tp.HCM.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Công trình, Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Tp.HCM.

Cơ quan công tác hiện nay: Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại TP.HCM

Địa chỉ cơ quan: Số 450-451 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

Điện thoại cơ quan: 02838966798

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 04 tháng 07 năm 2007; ngành: Xây dựng cầu đường. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam;

- Được cấp bằng tích hợp thạc sĩ và tiến sĩ ngày 19 tháng 08 năm 2016; ngành: Kỹ thuật xây dựng. Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ứng xử của vật liệu bê tông nhựa sử dụng trong xây dựng đường ô tô;

- Đặc tính khai thác của kết cấu mặt đường bê tông nhựa;

- Phát triển vật liệu bê tông nhựa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở (chủ nghiệm); thư ký 02 đề tài cấp bộ;

- Đã công bố (số lượng) 47 bài báo khoa học, trong đó có 10 bài báo thuộc danh mục SCIE, 3 bài báo thuộc danh mục ESCI, 02 bài báo thuộc danh mục Scopus, 04 bài báo hội thảo danh mục Scopus;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: tham gia biên soạn 01 chương sách giáo trình và 01 chương sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học : 2018-2019 ; 2019-2020 ; 2020-2021 ;

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về thành tích xuất sắc trong công tác cố vấn học tập năm 2018-2019 ;

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về thành tích cao trong hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2018-2020 ;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2021 do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021 ;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định) : Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo :

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt trong hoạt động giảng dạy, NCKH và sinh hoạt ;

- Đảm bảo đủ sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy ;

- Đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, có bằng đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phù hợp với ngành giảng dạy đại học ;

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao ;

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy ;

- Luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế, nội quy, quy định của Nhà trường, tuân thủ luật pháp của Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên :

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo : 6 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS) :

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2009-2010					247.5		247.5/317.9/280
2	2017-2018			01	06	169		169/356.63/270
3	2018-2019			03	14	350		350/773.1/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			02	11	283		283/608.6/216
5	2020-2021			03	15	222	45	267/744.5/216
6	2021-2022			03	14	225	90	315/757.6/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑; tại nước: Hàn Quốc, năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sejong, Seoul, Hàn Quốc

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Hoàng Anh		X	X		2017-2018	Trường ĐH GTVT	18/01/2019
2	Hoàng Công Đức		X	X		2018-2019	Trường ĐH GTVT	16/12/2019
3	Đỗ Đăng Khoa		X	X		2018-2019	Trường ĐH GTVT	16/12/2019
4	Đàm Quang Nam		X	X		2018-2020	Trường ĐH GTVT	28/10/2020
5	Đặng Đình Tài		X	X		2019-2020	Trường ĐH GTVT	28/10/2020
6	Nguyễn Vĩnh Hưng		X	X		2019-2020	Trường ĐH GTVT	28/10/2020
7	Trịnh Hải Âu		X	X		2020-2021	Trường ĐH GTVT	16/04/2021
8	Mai Thái Duy		X	X		2020-2021	Trường ĐH GTVT	16/04/2021
9	Dương Hoài Thanh		X	X		2020-2021	Trường ĐH GTVT	16/04/2021
10	Huỳnh Anh Kiệt		X	X		2021-2022	Trường ĐH GTVT	31/12/2021
11	Phan Văn Nam		X	X		2021-2022	Trường ĐH GTVT	31/12/2021
12	Võ Anh Tuấn		X	X		2021-2022	Trường ĐH GTVT	31/12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Các phương pháp hiện đại thiết kế kết cấu áo đường mềm có xét đến ảnh hưởng động của dòng xe	TK	Khoa học và Kỹ thuật, tháng 04/2020	04		Chương 5 (từ trang 163 - 183)	Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải.
2	Công nghệ mới trong thi công nền mặt đường	GT	NXB. Giao thông vận tải, Tháng 4/2021	03		Phần 1.2 thuộc chương 1 (từ trang 16-18) và Chương 2 (từ trang 22 - 36)	Biên bản nghiệm thu giáo trình ngày 30/12/2020

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu sử dụng vôi thủy hóa làm phụ gia cải thiện một số chỉ tiêu cơ học của bê tông nhựa trong điều kiện khu vực phía Nam.	CN	T2019-PHII-013 Cấp cơ sở	01/2019-12/2019	24/12/2019 **(Tốt)**
2	Nghiên cứu sử dụng mật rỉ đường mía thay thế một	CN	T2021-PHII-008,	01/2021-12/2021	17/12/2021 **(Tốt)**

	phần nhựa đường cải thiện một số chỉ tiêu cơ học của bê tông nhựa		Cấp cơ sở		
3	Nghiên cứu sử dụng vật liệu Nano carbon để giảm thiểu hằn lún vệt bánh xe, tăng cường tuổi thọ của mặt đường bê tông nhựa	TK	DT201046, Cấp bộ	01/2020-12/2020	09/01/2021 **(Đạt, mức B)**
4	Phát triển công nghệ mô phỏng số để thiết kế tối ưu lớp vật liệu mặt đường bê tông nhựa có khả năng kháng hằn lún trong điều kiện giao thông và khí hậu của Việt Nam	TK	35/FIRST/1A /UTC Cấp bộ	17/08/2018 - 30/09/2019	05/12/2019 **(Đạt)**

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Evaluation of Mechanical Characteristics of Castor Oil Based Bio-Polymer Concretes for Ultra-Thin Overlays	05		International Journal of Highway Engineering (ISSN 2287-3678)		02	12, 2, 39-45	04/2013
	https://doi.org/10.7855/IJHE.2013.15.2.039							
2	Moisture Damage Evaluation of Asphalt Mixtures depending on the Types of Anti-Stripping Agent	05		International Journal of Highway Engineering (ISSN 2287-3678)		06	16, 4, 45-50	08/2014
	https://doi.org/10.7855/IJHE.2014.16.4.045							
3	Formulation of a thickness design	05	X	Bituminous Mixtures and Pavements VI -			227-234	06/2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	equation for asphalt overlay using MEPDG program			Proceedings of the 6th International Conference on Bituminous Mixtures and Pavements, ICONFBMP 2015 (ISBN 978-1-138-02866-1)				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
4	New Approach to Construct Master Curve of Damaged Asphalt Concrete Based on Falling Weight Deflectometer Back-Calculated Moduli	05	X	Journal of Transportation Engineering (ASCE) (ISSN 2473-2893)	SCIE, Q2	07	142, 11, 1-9	11/2016
	https://doi.org/10.1061/(ASCE)TE.1943-5436.0000881							
5	Development of A Simple Asphalt Concrete Overlay Design Scheme Based on Mechanistic–Empirical Approach	05	X	Journal of Road Materials and Pavement Design (ISSN 2164-7402)	SCIE, IF(2020)=3.792, Q1	11	18, 3, 630-645	2017
	https://doi.org/10.1080/14680629.2016.1182059							
6	Development of A Simple Asphalt Overlay Program Considering Existing Pavement Condition, Life, And Distress in Seoul City	06		2017 International Conference on Maintenance and Rehabilitation of Constructed Infrastructure Facilities, Seoul, Korea. (ISBN: 978-1-5108-6000-1)			1-6	07/2017
7	Calibration and Validation of a Rutting Model based	04		Construction and Building Material (ISSN 0950-0618)	SCIE, IF=6.141, Q1	12	149, 327-337	09/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	on Shear Stress to Strength Ratio for Asphalt Pavements							
	https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2017.05.053							
8	Improvement and Validation of an Overlay Design Equation in Seoul	05		International Journal of Highway Engineering (ISSN 2287-3678)			19, 5, 49-58	10/2017
	https://doi.org/10.7855/IJHE.2017.19.5.049							
9	Nghiên cứu xây dựng đường cong chủ mô-đun đàn hồi động của bê tông nhựa chặt 60/70 ở Việt Nam	02		Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật răn lần thứ XIV (ISBN: 978-604-913-832-4)			632-637	07/2018
10	Nghiên cứu xác định khả năng kháng mỏi của bê tông nhựa chặt thông thường ở Việt Nam	02		Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật răn lần thứ XIV (ISBN: 978-604-913-832-4)			625-631	07/2018
11	Đánh giá hiệu quả việc sử dụng nhựa 40/50 để sản xuất BTN làm mặt đường ô tô ở Việt Nam	03		Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			10, 58-61	10/2018
12	Phân tích và đánh giá tuổi thọ kết cấu mặt đường cao tốc bằng phương pháp cơ học thực nghiệm	04		Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			11, 40-44	11/2018
13	Đánh giá hiệu quả sử dụng bê tông nhựa lưu huỳnh ở Việt Nam	03		Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			12, 91-95	12/2018
14	Mechanical Characteristics of Tensile Strength Ratio Method	05		Journal of Traffic and Transportation	ESCI, Q1	11	6, 6,	12/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Compared to Other Parameters Used for Moisture Susceptibility Evaluation of Asphalt Mixtures			Engineering (English Edition) (ISSN: 2095-7564)			621-630	
	https://doi.org/10.1016/j.jtte.2018.01.009							
15	Mô phỏng lún vệt hằn bánh xe cho thí nghiệm Wheel Tracking sử dụng phần mềm mô phỏng số	03	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			7, 77-79	07/2019
16	Performance Evaluation of Sulfur as Alternative Binder Additive for Asphalt Mixtures	02	X	International Journal of Pavement Research and Technology (ISSN: 1996-6814)	Scopus, Q1	12	12, 380-387	07/2019
	https://doi.org/10.1007/s42947-019-0045-9							
17	Đánh giá tuổi thọ kết cấu áo đường mềm chịu ảnh hưởng của tải trọng và vận tốc bằng phương pháp cơ học thực nghiệm	02	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			8, 87-91	08/2019
18	Nghiên cứu sử dụng vôi thủy hóa làm phụ gia cải thiện đặc tính cơ học của bê tông nhựa trong điều kiện ẩm ướt	03	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			9, 96-99	9/2019
19	Đánh giá hiệu quả sử dụng BTN tái chế nguội tại chỗ bằng xi măng và nhũ tương trong xây dựng đường ô tô	03	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			9, 69-71	09/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
20	Bước đầu sử dụng nano carbon làm phụ gia để cải thiện cường độ cho bê tông nhựa	03	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			10, 39-42	10/2019
21	Creep Behavior and Rutting Resistance of Asphalt Pavements by Experimental Testing and Finite Element Modelling	06		Lecture Notes in Civil Engineering (ISSN: 2366-2565)	Scopus		621-626	10/2019
	https://doi.org/10.1007/978-981-15-0802-8_98							
22	Nghiên cứu đánh giá khả năng kháng nứt của BTN sử dụng nano carbon làm phụ gia	04		Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			11, 30-32	11/2019
23	Nghiên cứu sử dụng nano carbon làm phụ gia để cải thiện lún vệt hằn bánh xe cho mặt đường bê tông nhựa	03		Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			11, 47-49	11/2019
24	Nghiên cứu một số chỉ tiêu kỹ thuật của bê tông nhựa sử dụng phụ gia hạt nhựa tái chế (RPE) theo phương pháp trộn ướt	06		Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			05, 39-42	05/2020
25	Optimal design for rutting resistance of asphalt concrete pavements by experimental testing and Finite Element modelling	06	X	Lecture Notes in Civil Engineering (ISSN: 2366-2565)	Scopus		737-743	07/2020
	https://doi.org/10.1007/978-981-15-5144-4_71							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	A Simplified Approach in Determining The c and φ for Asphalt Mixtures	03	X	IOP Conference Series: Materials Science and Engineering (ISSN: 1757-8981)	Scopus		1-6	07/2020
	https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1757-899X/869/5/052058							
27	Nghiên cứu xác định các thông số từ biến của BTN chặt C12.5	03	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			08, 89-91	08/2020
28	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp cơ học-thực nghiệm để thiết kế tăng cường kết cấu áo đường mềm	02	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			09, 35-37	09/2020
29	A Two Step Sequential Automated Crack Detection and Severity Classification Process for Asphalt Pavements	05		International Journal of Pavement Engineering (ISSN: 1029-8436)	SCIE, IF (2020)=4.139, Q1	10	23, 6, 2019-2033	10/2020
	https://doi.org/10.1080/10298436.2020.1836561							
30	Nghiên cứu đánh giá khả năng kháng mỏi của bê tông nhựa lưu huỳnh	02	X	Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ XXII (ISBN: 978-604-76-2272-6)			557-563	11/2020
31	Đánh giá hiệu quả việc sử dụng phụ gia hạt nhựa tái chế (HDPE) để sản xuất bê tông nhựa làm mặt đường ô tô	02	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			12, 102-104	12/2020
32	Crack detection for asphalt pavements	04		International Conference on Applications of Artificial Intelligence in			12-16	12/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	using deep learning-based faster R-CNN			Transportation (ISBN:978-604-76-2102-6)				
33	Determining Optimum Carbon Nanotubes Content for Asphalt Mixture in Road Pavements	02	X	Materials Science Forum (ISSN:1662-9752)	Scopus		1023 121-126	03/2021
	https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/MSF.1023.121							
34	Đánh giá ảnh hưởng của một số thông số thiết kế đến tuổi thọ kết cấu áo đường mềm bằng phương pháp cơ học thực nghiệm	03	X	Tạp chí khoa học công nghệ giao thông vận tải (ISSN:1859-4263)			05, 81-85	05/2021
35	Automation asphalt pavements distress detection using deep learning-based retinanet	04		Tạp chí khoa học công nghệ giao thông vận tải (ISSN:1859-4263)			05, 65-72	05/2021
36	Bước đầu sử dụng mật rỉ đường mía thay thế một phần nhựa đường trong bê tông nhựa	02	X	Tạp chí GTVT (ISSN: 2357-0818)			05, 37-39	05/2021
37	Nghiên cứu áp dụng mô hình thông tin (BIM) trong quản lý thi công dự án cầu đường-hạ tầng Việt Nam	05		Hội thảo kiến trúc và xây dựng hướng đến phát triển bền vững (ISBN: 978-604-73-8487-7)			109-116	05/2021
38	The Effect of Spent Fluid Catalytic Cracking Filler on Performance Testing of Asphalt Concrete Mixture	03		Advances in Materials Science and Engineering (ISSN:1687-8434)	SCIE, IF=1.726, Q2		2021, 1-17	08/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://doi.org/10.1155/2021/8577021							
39	Performance evaluation of carbon nanotubes as a binder modifier for asphalt mixtures	02	X	International Journal of Civil Engineering (ISSN:1735-0522)	SCIE, IF(2020)=2.080, Q2	1	19, 1143-1153	10/2021
	https://doi.org/10.1007/s40999-020-00599-0							
40	Performance of asphalt binder containing sugarcane waste molasses in hot mix asphalt	01	X	Case Studies in Construction Materials (ISSN:2214-5095)	SCIE, IF=3.328, Q1	1	15, 1-8	12/2021
	https://doi.org/10.1016/j.cscm.2021.e00595							
41	Determining optimum fly ash content for Stabilized subbase materials in road pavements	02	X	Australian Journal of Civil Engineering (ISSN:1448-8353)	ESCI, Q2		20, 1, 46-55	2022
	https://doi.org/10.1080/14488353.2021.1905250							
42	Optimization of SFCC as mineral filler in asphalt concrete mixture using combined methods of Taguchi and PCA	03		Journal of Materials in Civil Engineering (ASCE) (ISSN: 0899-1561)	SCIE, IF=2.169, Q1		34, 7, 1-11	2022
	https://doi.org/10.1061/(ASCE)MT.1943-5533.0004282							
43	Deep Learning-Based Crack Detection: A Survey	06		International Journal of Pavement Research and Technology (ISSN: 1996-6814)	Scopus, Q2		12, 380-387	2022
	https://doi.org/10.1007/s42947-022-00172-z							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
44	Performance evaluation of korean modified asphalt binder under Vietnam conditions	01	X	Transport and Communications Science Journal (ISSN: 1859-2724)			73, 371-380	05/2022
	https://doi.org/10.47869/tcsj.73.4.3							
45	Application of dynamic stability criterion in evaluating field rutting of asphalt pavements using the Wheel Tracking test	03	X	Journal of Transportation Engineering: Part B, Pavements (ASCE) (ISSN:2573-5438)	SCIE, Q2		148, 2, 1-9	2022
	https://doi.org/10.1061/JPEODX.0000375							
46	Development and Validation of a Temperature Correction Model for FWD Backcalculated Moduli	04	X	Australian Journal of Civil Engineering (ISSN:1448-8353)	ESCI, Q2		21, 1-9	2022
	https://doi.org/10.1080/14488353.2022.2083045							
47	New approach in determining pay adjustment factor based on rutting performance model for asphalt pavements	04	X	Journal of Transportation Engineering: Part B, Pavements (ASCE) (ISSN:2573-5438)	SCIE, Q2		1-9	2022
	https://doi.org/10.1061/JPEODX.0000389							

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ƯV là tác giả chính sau PGS/TS: 9 bài (số thứ tự 4, 5, 16, 34, 40, 41, 45, 46, và 47).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Soạn thảo chương trình đào tạo đại học ngành Kiến trúc	Tham gia (Thư kí)	Quyết định số 2468/QĐ-ĐHGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2017	Trường ĐH GTVT		
2	Xây dựng chương trình đào tạo theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngành Kỹ	Tham gia	Quyết định số 2038/QĐ-ĐHGTVT ngày 08	Trường ĐH GTVT		

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
	thuật xây dựng công trình giao thông	(Ủy viên ban tiểu ban chỉ đạo-giám sát)	tháng 12 năm 2020			

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Văn Phúc